TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **117**/2025/HC-PT
Ngày: 11/02/2025
V/v: *"Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các Thẩm phán: ông **Lê Tự**

bà **Trần Thị Kim Liên**

- ***Thư ký phiên tòa***: ông **Trần Xuân Lộc**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Bùi Ngô Ý Nhi**, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, kết nối với điểm cầu thành phần tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hành chính thụ lý số 299/2024/TLPT-HC ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc "Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 111/2024/HC-ST ngày 24/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 340/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông Chu Đình T, sinh năm 1950; địa chỉ: thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

¬Người đại diện theo uỷ quyền: ông Trần Hoàng A, sinh năm 1984; địa chỉ: TDP I, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ liên lạc: số A L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: I T, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Lê Đình C, chức vụ: Phó Chủ tịch; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Nguyễn Thụ K, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965; địa chỉ: thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà L: ông Trần Hoàng A, sinh năm 1984; địa chỉ: TDP I, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ liên lạc: số A L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. Ông Chu Đình K1, sinh năm 1985; vắng mặt.

3. Ông Chu Đình H1, sinh năm 1994; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

4. UBND xã E, huyện E; địa chỉ: thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn L1, chức vụ: Chủ tịch;

* Người kháng cáo: người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông Trần Hoàng A trình bày:

Năm 1982, ông Chu Đình Trung C1 đến sinh sống tại xã K (nay là xã E, huyện E) theo diện kinh tế mới, thời điểm đó ông T là công nhân kỹ thuật của Sư đoàn C2. Đến năm 1989, ông Chu Đình T có khai hoang một thửa đất để trồng trọt và sản xuất, cụ thể vị trí thửa đất được thể hiện trong bản đồ địa chính hiện nay là thửa đất số 147, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.228,2m2; địa chỉ tại thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Gia đình ông Chu Đình T đã trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên thửa đất này từ năm 1989 đến nay. Đồng thời, từ thời điểm khai hoang (năm 1989) không có cơ quan, đơn vị nào lập biên bản ngăn chặn, xử lý việc sử dụng đất. Đây là căn cứ chứng minh gia đình ông T sử dụng đất và ổn định theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/12/2023, ông T nhận được Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình: Đường nội bộ trụ sở HĐND – UBND xã E, huyện E. Trong đó, có nội dung bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông T đối với phần diện tích bị thu hồi là 787.9m2, trong tổng diện tích là 1.987,9m2.

Nội dung trên đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông T bởi lẽ phần diện tích đất bị thu hồi của gia đình ông T đã được khai hoang từ năm 1989 và sử dụng ổn định từ trước khi có quyết định số 533/QĐ-UB ngày 15/3/2007

của UBND tỉnh Đ nên không phải là đất lấn chiếm của lâm trường. Tuy nhiên, UBND huyện E lại xác nhận nguồn gốc là đất lấn chiếm để làm căn cứ chỉ hỗ trợ mà không bồi thường về đất cho gia đình ông T đối với phần diện tích đất bị thu hồi là không đúng.

Do đó, ông Chu Đình T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Tuyên huỷ một phần Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình: Đường nội bộ trụ sở HĐND – UBND xã E, huyện E;

- Buộc UBND huyện E ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của gia đình ông T, trong đó xác định phần diện tích đất bị thu hồi của gia đình ông T là đủ điều kiện được bồi thường về đất.

2. Tại bản tự khai của người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện, Lê Đình C trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất:

Nguồn gốc đất được UBND xã E xác nhận theo Kết quả xác nhận số 02/GXN-UBND ngày 03/10/2023 thì đất của ông Chu Đình T được xác nhận: khai hoang năm 1989, toàn bộ đất thuộc Nông trường Q nhà nước 714, thuộc xí nghiệp liên hợp 333 chuyển giao cho UBND xã E quản lý theo Bản chuyển giao đất ngày 08/8/1990, đến năm 1993 thì Nông trường 714 được thành lập theo Quyết định số 241/NN-TCCB/QĐ, ngày 09/4/1993 của Bộ N1 về việc thành lập Nông trường 714 và đất được bàn giao tổng thể về địa phương quản lý năm 2007 theo Quyết định số 533/QĐ-UB của UBND tỉnh Đ về việc thu hồi 20.795.558 m2 đất của Nông trường 741 giao cho UBND huyện E quản lý.

Căn cứ để thực hiện áp dụng quy định để hỗ trợ về đất cho ông Chu Đình T:

Áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 76 Luật Đất đai năm 2013, đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất thì không được bồi thường về đất.

Theo quy định tại Điều 82, Luật Đất đai: “"Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất"

Nhà nước thu hồi đất không bồi thường về đất trong các trường hợp sau đây:

1. Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật này;

2. Đất được Nhà nước giao để quản lý;

3. Đất thu hồi trong các trường hợp quy định tại Điều 64 và các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 của Luật này;

4. Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này.

5 Đối với các thửa đất không sử dụng đất trên 12 tháng đối với cây hàng năm và 18 tháng đối với cây lâu năm thì không xem xét hỗ trợ về đất.”

Căn cứ Công văn số 831/STNMT-CCQLĐĐ, ngày 16/4/2019 của Sở T3 về việc hướng dẫn bổ sung Công văn số 553/STNMT - CCQLĐĐ ngày 19/3/2019 của Sở T3 về cấp GCN cho hộ gia đình, cá nhân có nguồn gốc nông, lâm trường, lấn chiếm đất lâm nghiệp, đất rừng: "Đối với điện tích đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà trái phép trên đất có nguồn gốc thu hồi từ các nông trường, lâm trường, Công ty TNHH một thành viên, Công ty TNHH H3, ban quản lý rừng, vườn quốc gia theo quy định tại Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 16/6/2003 về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển nông, lâm trường quốc doanh, Nghị định số 170/2004/NĐ-CP ngày 22/9/2004, Nghị định số 200/2004/NĐ- CP ngày 03/12/2004, Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ (UBND tỉnh thu hồi từ ngày 22/9/2004 trở về sau, ngày ban hành Nghị định số 170/2004/NĐ-CP) thì chưa xem xét công nhận quyền sử dụng đất, chưa xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất."

Ngoài ra, theo điểm b, khoản 2, Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một sô điều của Luật Đất đai:

“Điều 22. Việc xử lý, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014

2. Trường hợp sử dụng đất lấn, chiếm đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các nông trường, lâm trường quốc doanh, Ban quản lý rừng, trung tâm, trạm, trại, công ty N2, lâm nghiệp thì thực hiện xử lý theo quy định như sau:

a) Trường hợp đang sử dụng diện tích đất lấn, chiếm thuộc quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng

…

b) Trường hợp đang sử dụng diện tích đất lấn, chiếm thuộc quy hoạch sử dụng đất cho mục đích xây dựng công trình hạ tầng công cộng thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo thu hồi đất đã lấn, chiếm để giao đất cho chủ đầu tư khi triển khai xây dựng công trình đó.”

Từ các căn cứ nêu trên thì toàn bộ diện tích nằm trong phạm vi khu đất thu hồi không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và không đủ điều kiện bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Tuy nhiên, đối với hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp được xem xét hỗ trợ nên căn cứ khoản 2, Điều 20, Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ:

“2. Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp bị thu hồi đất mà không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định Luật Đất đai, không thuộc trường hợp sử dụng đất vượt hạn mức theo Điều 129, Điều 130 Luật Đất đai năm 2013 và không

được hỗ trợ theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013 mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất, cụ thể như sau:

a) Thời điểm sử dụng đất trước ngày 15/10/1993: Được hỗ trợ bằng 100% theo giá đất tại bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Q;

b) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004: Được hỗ trợ bằng 80% theo giá đất tại bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Q;

c) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 27/9/2011 (ngày ban hành Chỉ thị số 1685/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ): Được hỗ trợ bằng 50% theo giá đất tại bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Q;

d) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 27/9/2011 đến trước ngày 01/7/2014: Được hỗ trợ bằng 30% theo giá đất tại bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Q;

đ) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2014 trở về sau: Không được xem xét hỗ trợ.

e) Thời điểm sử dụng đất để xác định hỗ trợ theo các điểm a, b, c, d, đ khoản này là thời điểm hộ gia đình, cá nhân đầu tiên bắt đầu sử dụng đối với phần diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường, sử dụng đất liên tục kể từ thời điểm đó vào mục đích sản xuất nông nghiệp cho đến khi ban hành Thông báo thu hồi đất".

Trong phương án hỗ trợ này, theo kết quả xác định nguồn gốc thì thửa đất của hộ ông Chu Đình T, vợ là Nguyễn Thị L sử dụng ổn định từ năm 1989 được hỗ trợ bằng 100% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định.

Từ việc xác nhận nguồn gốc của UBND xã E, và theo các quy định hiện hành như đã viện dẫn ở trên, UBND huyện E ban hành Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi để thi công công trình đường nội bộ Trụ sở HĐND-UBND huyện E (đối với ông Chu Đình T) là căn cứ Kết quả xác nhận số 02/GXN-UBND ngày 03/10/2023 của UBND xã E và áp dụng các văn bản pháp luật có liên quan như đã nêu trên.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Toà án bác đơn khởi kiện của ông Chu Đình T.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện UBND xã E, huyện E trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất mà ông Chu Đình T bị thu hồi có nguồn gốc trước đây do Trung đoàn 714 khai hoang, san ủi năm 1977. Quá trình sản xuất, kinh doanh Trung đoàn không sử dụng diện tích này nên đã bỏ hoang, đến năm 1982 Trung đoàn chuyển giao diện tích trên cho Bộ N1, đồng thời đổi tên thành Nông trường 714. Đến năm 1989, thì ông Chu Đình T là công nhân cơ khí của Nông trường đến phát dọn và sử dụng diện tích đất trên từ đó cho đến nay.

Về yêu cầu khởi kiện của ông Chu Đình T thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 111/2024/HC-ST ngày 24/7/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định: căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính; điểm đ khoản 4 Điều 14 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chu Đình T:

- Huỷ một phần Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình: Đường nội bộ trụ sở HĐND - UBND xã E, huyện E;

- Buộc UBND huyện E ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của hộ ông Chu Đình T, trong đó có nội dung bồi thường về đất cho hộ ông T theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09/8/2024, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Chu Đình T.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 24/7/2024, người bị kiện UBND huyện E vắng mặt; ngày 01/8/2024, Tòa án cấp sơ thẩm tống đạt bản án cho đương sự và ngày 12/8/2024, UBND huyện E nhận được bản án sơ thẩm qua đường Bưu chính. Ngày 09/8/2024, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk kháng cáo bản án sơ thẩm, Đơn kháng cáo của người bị kiện là trong thời hạn quy định tại Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính, do đó được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên toà, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện E giữ nguyên nội dung kháng cáo;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người bị kiện và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện E, Hội đồng xét xử xem xét các vấn đề sau:

[2.1]. Về tố tụng:

Ngày 29/11/2023, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện E ban hành Quyết định số 455/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường nội bộ trụ sở HĐND - UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (sau đây viết tắt là Quyết định số 455), trong đó thu hồi 787,9m2 đất của hộ ông Chu Đình T thường trú tại thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, tại một phần thửa đất số 147, tờ bản đồ địa chính số 20, mục đích sử dụng đất: 787,9m2 CLN. Cùng ngày, UBND huyện E ban hành Quyết định số 454/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình: Đường nội bộ trụ sở HĐND - UBND xã E, huyện E (sau đây viết tắt là Quyết định số 454) trong đó có hộ ông Chu Đình T. Không đồng ý với nội dung tại Quyết định số 454 này, ngày 10/01/2024, ông Chu Đình T khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 454, buộc UBND huyện E ban hành lại Quyết định theo hướng xác định phần diện tích đất bị thu hồi của hộ ông T là đủ điều kiện được bồi thường về đất. Đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 và khoản 1 Điều 30 của Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện trong thời hạn được quy định tại khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[2.2]. Về nguồn gốc diện tích đất hộ ông Chu Đình T bị thu hồi:

Người khởi kiện ông Chu Đình T trình bày, diện tích 787,9m2 đất mà UBND huyện E thu hồi tại một phần thửa đất số 147, tờ bản đồ số 20 là một phần trong tổng diện tích 2.228,2m2 đất thuộc thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk do Ông khai hoang từ năm 1989; gia đình Ông đã trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ việc canh tác trên thửa đất này từ năm 1989 đến nay, không có ai tranh chấp. Phía người bị kiện UBND huyện E cho rằng diện tích 787,9m2 đất thu hồi của ông T có nguồn gốc do UBND tỉnh Đ thu hồi theo Quyết định số 533/QĐ-UBND ngày 15/3/2007 về việc thu hồi 20.795.558m2 đất của Nông trường 714 để giao cho UBND huyện E quản lý.

Thấy rằng, để có cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ dân có đất bị thu hồi trong quá trình thực hiện dự án thi công công trình: Đường nội bộ trụ sở HĐND - UBND xã E, huyện E, cơ quan có thẩm quyền đã tiến hành xác minh nguồn gốc đất. Tại Biên bản xác minh nguồn gốc đất của hộ ông Chu Đình T ngày 26/12/2022 (BL 165) với thành phần tham gia gồm đại diện UBND xã E và đại diện Nông trường 714, trong đó ông Lê Xuân H2 - nguyên Giám đốc Nông trường 714 xác nhận: "nguồn gốc khu đất trên là do Trung đoàn 714 khai hoang, san ủi năm 1977; quá trình sản xuất, kinh doanh Trung đoàn không sử dụng diện tích này; dẫn đến bị bỏ hoang, đến năm 1982 Trung đoàn 714 chuyển giao cho Bộ N1 và CN thực phẩm, đồng thời chuyển đổi tên thành Nông trường 714, đến khoảng năm 1989, ông Chu Đình T - là công nhân cơ khí của nông trường đến phát dọn, khai hoang, phục hóa khu đất nói trên, ông Chu Đình T sử dụng ổn định từ đó đến nay". Theo đó, ông Cao Quang V và ông Hà Văn T1 - nguyên là cán bộ tổ chức Nông trường 714 cùng thống nhất nội dung trình bày trên của ông H2.

Tại Biên bản làm việc ngày 22/12/2010 (BL 72) giữa UBND xã E và ông Chu Đình T để giải quyết đơn kiến nghị của ông T về việc UBND xã lấn chiếm đất khai phá của gia đình Ông để làm tường rào, phía UBND xã E cũng thừa nhận: "Trước đây, UBND xã cũng đã nhiều lần mời gia đình Ông lên để giải quyết nhưng chưa thống nhất được. Tuy nhiên, vì mục đích công cộng, gia đình ông chấp nhận để UBND xã xây dựng tường rào thẳng từ hàng rào cũ đến hết phần đất của trụ sở UBND xã. Phần còn lại phía bên kia tường rào là phần đất của hộ gia đình khai phá từ năm 1989, hiện nay đang trồng cây lâu năm. Đề nghị UBND xã công nhận. UBND xã thống nhất phần đất bên kia hàng rào hiện nay trồng cây lâu năm ông T đã rào lại là phần đất do ông T khai phá từ năm 1989.". Đồng thời, tại buổi làm việc, ông T cung cấp Giấy xin chữ kí người làm chứng vào năm 2007 (BL 71) để UBND xã làm căn cứ xem xét giải quyết, theo đó những người làm chứng đều thừa nhận nguồn gốc đất do ông T khai hoang, sử dụng ổn định từ trước đến nay; cụ thể: ông Hồ Sỹ X - nguyên Chủ tịch UBND xã E khoá 3, nhiệm kỳ 1994-1999 xác nhận: "năm 1995, UBND xã E có chủ trương san ủi mặt bằng làm sân bóng đá phía sau UBND trong đó có diện tích đất của ông Chu Đình T thôn 12 là 1500m2. UBND xã thỏa thuận đền bù cho ông T là 100.000 (một trăm ngàn đồng) số tiền này UBND chưa trả cho ông T. Văn bản đền bù và diện tích đất của ông T do ông Nguyễn Anh T2 nguyên địa chính xã còn lưu giữ tại tủ tài liệu của địa chính xã"; ông Lê Xuân H2 - nguyên Giám đốc Nông trường 714 xác nhận: "trước kia có đồng ý cho anh Chu Đình Trung N là CB CNV đã nghỉ hưu được khai hoang để trồng cây cải thiện đời sống năm 1989 - số lượng năm đó 8000m2 đã có giấy. Nay do thất lạc mất mát. (Khu đất sát với cửa hàng mua bán NT 714 về phía sau.)"; ngoài ra còn có các lời khai của các ông Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Ngọc K2, Đỗ Văn X1 cùng thừa nhận nguồn gốc tương tự như ông X, ông H2 trình bày.

Mặt khác, như đã viện dẫn tài liệu tại bút lục số 165 nêu trên, toàn bộ diện tích đất thu hồi của hộ ông T là do Trung đoàn 714 khai hoang, san ủi năm 1977 nhưng quá trình sản xuất, Trung đoàn không sử dụng và bỏ hoang; đến năm 1982 thì Trung đoàn G chuyển giao cho Bộ N1 thực phẩm quản lý, đồng thời đổi tên thành Nông trường 741. Năm 1993, Nông trường 714 được thành lập theo Quyết định số 241/NN-TCCB/QĐ ngày 09/4/1993 của Bộ trưởng Bộ N1 (BL 80); đến năm 2007, UBND tỉnh Đ thu hồi tổng cộng 20.795.558m2 đất của Nông trường 741 giao cho UBND huyện E quản lý theo Quyết định số 533/QĐ-UB của UBND tỉnh Đ ngày 15/3/2007.

Như vậy, có cơ sở khẳng định ông Chu Đình T đã khai hoang sử dụng đất ổn định từ năm 1989, trước thời điểm Nông trường 714 được thành lập (năm 1993). Quá trình giải quyết vụ án, phía người bị kiện không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc cơ quan có thẩm quyền quản lý diện tích đất bị thu hồi từ năm 1993 trở về trước cũng như thể hiện việc cá nhân, tổ chức có ý kiến, văn bản kiến nghị, phản đối việc ông Chu Đình T sử dụng diện tích đất trên. Do đó, UBND huyện E cho rằng nguồn gốc đất ông Chu Đình T đang quản lý, sử dụng là lấn chiếm và do UBND tỉnh Đ thu hồi của Nông trường 714 để giao cho UBND huyện E quản lý là không phù hợp với diễn biến khách quan, các tài liệu như đã viện dẫn.

[2.3]. Về yêu cầu của khởi kiện buộc UBND huyện E bồi thường về đất:

Như phân tích, nhận định ở mục [2.2] nêu trên của bản án, hộ gia đình ông Chu Đình T đã sử dụng đất từ trước ngày 15/10/1993 liên tục, ổn định, không có tranh chấp, không có cơ quan có thẩm quyền nào phản đối, xử lý vi phạm; đồng thời việc khai hoang phục hóa có sự cho phép của Giám đốc Nông trường 714, quá trình sử dụng đất đều được Nông trường và UBND xã E xác nhận.

Tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai quy định: "1. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có nhà ở, công trình xây dựng khác từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993; nay được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp sử dụng đất; việc sử dụng đất tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị hoặc quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn hoặc quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi chung là quy hoạch) hoặc không phù hợp với quy hoạch nhưng đã sử dụng đất từ trước thời điểm phê duyệt quy hoạch hoặc sử dụng đất tại nơi chưa có quy hoạch thì được công nhận quyền sử dụng đất…".

Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, diện tích đất của hộ ông Chu Đình T đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai nên đủ điều kiện được bồi thường về đất. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 24/7/2024, người đại diện theo pháp luật của UBND xã E là ông Nguyễn Văn L1 - chức vụ: Chủ tịch cũng khẳng định hộ ông T đủ điều kiện để cấp GCNQSDĐ (BL 205). Do đó, UBND huyện E căn cứ Công văn số 831/STNMT-CCQLĐĐ ngày 16/4/2019 của Sở T3 về việc hướng dẫn bổ sung Công văn số 553/STNMT-CCQLĐĐ ngày 19/3/2019 của Sở T3 và điểm b khoản 2 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều luật của Luật Đất đai để cho rằng hộ ông T không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không đủ điều kiện bồi thường về đất là không phù hợp, không đúng với quy định của pháp luật.

[3]. Từ các nhận định tại mục [2] nêu trên của bản án, Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chu Đình T, hủy một phần Quyết định 454 và buộc UBND huyện E ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của hộ ông Chu Đình T, trong đó có nội dung bồi thường về đất cho hộ ông T theo quy định của pháp luật là phù hợp, đúng quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện E và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân huyện E phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính.

Bác kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 111/2024/HC-ST ngày 24/7/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính; điểm đ khoản 4 Điều 14 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Tuyên xử:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chu Đình T:

- Huỷ một phần Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình: Đường nội bộ trụ sở HĐND – UBND xã E, huyện E;

- Buộc UBND huyện E ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của hộ ông Chu Đình T, trong đó có nội dung bồi thường về đất cho hộ ông T theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí phúc thẩm: căn cứ khoản 1 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện E phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0014027 ngày 19/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Ủy ban nhân dân huyện E đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

4. Quyết định của bản án sơ thẩm về phần án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Trần Đức Kiên